

CHUYÊN ĐỀ

THANH TRA TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

	Trang
Lời nói đầu	2
Chương I - ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG THANH TRA TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	3
I. Đối tượng thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin	3
II. Nội dung thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin	4
III. Phương pháp thực hiện thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin	5
IV. Hình thức tổ chức cuộc thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin	6
Chương II - NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	7
I. Giới thiệu Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt trong lĩnh vực công nghệ thông tin	7
II. Giới thiệu về chương khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chống thư rác	21
Chương III - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM, LƯU Ý KHI XỬ PHẠT VPHC TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	27
I. Các vấn đề cần quan tâm, lưu ý khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin	27
II. Các vấn đề cần quan tâm, lưu ý khi xử phạt hành vi vi phạm về chống thư rác	31
Chương IV - GIỚI THIỆU MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM THƯỜNG GẶP	33
I. Một số hành vi vi phạm thường gặp	33
II. Các vụ bị phát hiện, xử lý trong thời gian qua	33

LỜI NÓI ĐẦU

Thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin hay thanh tra trong bất kỳ lĩnh vực nào khác cũng phải tuân thủ quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời gian, hình thức tổ chức các cuộc thanh tra. Tuy nhiên, đây là hoạt động thanh tra chuyên ngành và là lĩnh vực thanh tra có tính đặc thù chuyên môn riêng biệt. Do đó, hoạt động thanh tra công nghệ thông tin cũng có những đặc điểm riêng cần lưu ý và đòi hỏi người làm công tác thanh tra có một lượng kiến thức pháp luật nhất định về hoạt động thanh tra, kiến thức pháp luật về công nghệ thông tin và có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực này. Do đó, chuyên đề thanh tra công nghệ thông tin không dành giới thiệu về nghiệp vụ thanh tra mang tính tổng quan mà tập trung giới thiệu cụ thể về thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trên cơ sở đó, chuyên đề được xây dựng nhằm các mục đích sau:

- Thứ nhất: Hỗ trợ những cán bộ làm công tác thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin biết được đối tượng thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các nội dung cần thanh tra về lĩnh vực công nghệ thông tin và phương pháp tiến hành thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Thứ hai: Chuyên đề nhằm cung cấp cho những cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn cả nước thông tin nhất định về công tác thanh tra chuyên ngành công nghệ thông tin. Đây là cơ sở để cán bộ làm công tác quản lý nhà nước trong trường hợp tham gia đoàn thanh tra về công nghệ thông tin không bị ngỡ ngàng. Qua đó nhanh chóng nắm bắt các hoạt động cơ bản về thanh tra công nghệ thông tin.

- Thứ ba: Cung cấp kiến thức pháp luật quy định xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Thứ tư: Giới thiệu một số vụ vi phạm đã bị phát hiện, xử lý và kinh nghiệm trong việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Chương I

ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG THANH TRA TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Đối tượng thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Điều 2 Luật Công nghệ Thông tin quy định: “Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại Việt Nam”. Khoản 10 Điều 6 Luật Công nghệ Thông tin cũng quy định nội dung quản lý nhà nước về công nghệ thông tin bao gồm thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Như vậy, có thể thấy đối tượng thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin là mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức cá nhân nước ngoài tham gia trong hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại Việt Nam.

1. Đối tượng thanh tra trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin

Bao gồm:

- Các cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý;
- Các tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại;
- Tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá - thông tin;
- Tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ thông tin hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và một số lĩnh vực khác do chính phủ quy định.

Tuy nhiên, đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và một số lĩnh vực khác do Chính phủ quy định thì hoạt động thanh tra chuyên ngành công nghệ thông tin không thanh tra. Đối với đối tượng này do Thanh tra quốc phòng và Thanh tra an ninh thực hiện, trừ trường hợp có quy định khác của Chính phủ.

2. Đối tượng thanh tra trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin

Bao gồm:

- Các doanh nghiệp phần cứng: Là các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh phụ tùng, linh kiện, thiết bị số như: Máy tính, thiết bị mạng máy tính, mạng Internet, thiết bị khác... nhằm sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số. Trong lĩnh vực này, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp tham gia nhập khẩu, lắp ráp máy tính, thiết bị số như Công ty Cổ phần máy tính Trần Anh, FPT Distribution, CMS, CMC, Mekong...
- Các doanh nghiệp phần mềm: Là doanh nghiệp sản xuất, gia công, nhập khẩu, kinh doanh phần mềm; Ví dụ: Hiện nay có các doanh nghiệp phần mềm như FPT Software, FSS, CMC Software, Peacesoft...
- Doanh nghiệp phát triển thông tin số: IDG Data, VDC, VASC, VTC...;

- Doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin về nội dung tổ chức đào tạo và cấp các văn bằng về lĩnh vực công nghệ thông tin.

II. Nội dung thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Nội dung thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin gồm các nội dung sau:

1. Thanh tra các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Đây là hoạt động thanh tra việc đầu tư sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin. Việc thanh tra phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm quyền thanh tra. Sở Thông tin và Truyền thông có thể tiến hành các cuộc thanh tra mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin của đơn vị trực thuộc Sở hoặc tiến hành thanh tra các dự án công nghệ thông tin do Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương giao nhiệm vụ.

Thanh tra đầu tư, xây dựng cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải căn cứ theo quy định của pháp luật về đầu tư và đấu thầu.

2. Thanh tra chuyên ngành công nghệ thông tin

Là thanh tra việc chấp hành pháp luật về chuyên ngành công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các nội dung thanh tra cơ bản như:

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin số;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về việc cung cấp, sử dụng thông tin, tài liệu mật trên môi trường mạng;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về phát triển dịch vụ công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Việc chấp hành quy định của pháp luật về tên miền, địa chỉ Internet, số hiệu mạng;
- Việc chấp hành quy định của pháp luật về chế độ báo cáo trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

III. Phương pháp thực hiện thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Thực tế cho thấy, có nhiều phương pháp thực hiện hoạt động thanh tra, trong chuyên đề này đề cập đến 04 phương pháp thực hiện thanh tra là: Phương pháp yêu cầu báo cáo, phương pháp phỏng vấn, phương pháp so sánh và phương pháp quan sát hoạt động thực tiễn.

1. Phương pháp yêu cầu báo cáo

Đây là một phương pháp được tiến hành trong mọi cuộc thanh tra, mọi lĩnh vực thanh tra, mọi hình thức thanh tra. Thông qua công tác báo cáo, người làm công tác thanh tra có thể nắm được các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra. Việc báo cáo phải bám sát đề cương thanh tra, yêu cầu báo cáo của Đoàn Thanh tra. Tuy nhiên, không phải báo cáo thanh tra nào của đối tượng thanh tra cũng đúng với thực tế. Căn cứ các thông tin trong báo cáo thanh tra, người thực hiện công tác thanh tra cần đối chiếu với thực tế các chứng từ, hoá đơn, tài liệu thu thập được trong quá trình thanh tra để phát hiện các điểm phù hợp, điểm chưa phù hợp, điểm không chính xác. Đây là mắt xích quan trọng để xác minh các nội dung khác của yêu cầu thanh tra.

Báo cáo của đối tượng thanh tra phải được thực hiện bằng văn bản, do người có thẩm quyền báo cáo với Đoàn thanh tra. Đây cũng là chứng cứ và cơ sở pháp lý để kết luận thanh tra.

2. Phương pháp phỏng vấn

Đây cũng là một phương pháp để xác định, tìm kiếm các sở cứ, chứng cứ có liên quan đến nội dung cần kết luận thanh tra. Qua hoạt động phỏng vấn sẽ xác định được những vấn đề thiếu thống nhất trong việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong một tổ chức.

Việc phỏng vấn cần thực hiện kín đáo, tế nhị, tránh để người đang bị phỏng vấn nắm được ý đồ, mục đích của vấn đề phỏng vấn. Đồng thời việc phỏng vấn phải bám sát nội dung thanh tra, đề cương thanh tra, không phỏng vấn các vấn đề ngoài đề cương thanh tra, không liên quan đến nội dung thanh tra. Như vậy, việc phỏng vấn mới không đi xa trọng tâm, tránh sự nghi ngờ, bất ổn trong nội bộ đối tượng thanh tra.

3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

Đây là một phương pháp thanh tra được áp dụng khá hiệu quả trong công tác thanh tra. Nhiều vụ việc khó bị phát hiện song bằng phương pháp này, người làm công tác thanh tra có thể nhanh chóng phát hiện gian lận trong việc mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin. Đặc biệt là gian lận về giá trị của sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin. Do sản phẩm công nghệ thông tin không phải là nhóm hàng hóa nhà nước quản lý giá, việc mua sắm dựa trên nguyên tắc đấu thầu theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, các hiện tượng như thông thầu hoặc thiết bị mua sắm không đúng chủng loại thiết bị đấu thầu đã diễn ra khá nhiều trong việc mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin.

Bên cạnh đó, việc sử dụng thiết bị công nghệ thông tin không hiệu quả, không đúng mục đích đã nêu trong dự án đã dẫn đến việc lãng phí ngân sách nhà nước.

Bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, người làm công tác thanh tra có thể phát hiện được những điểm không phù hợp giữa hồ sơ, tài liệu và thực tế triển khai mua sắm thiết bị, dịch vụ công nghệ thông tin.

4. Phương pháp quan sát hoạt động thực tiễn

Phương pháp này cũng được sử dụng khá nhiều trong công tác thanh tra. Các đối tượng quan sát cụ thể như:

- Quan sát trên sổ sách, chứng từ có liên quan;
- Quan sát trên catalog thuyết minh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Tại kho của doanh nghiệp;
- Địa điểm sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin;
- Địa điểm lắp đặt sản phẩm, công nghệ thông tin theo dự án được duyệt;
- Địa điểm khai thác, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Các thiết bị, sản phẩm công nghệ thông tin đã mua sắm.

Thông qua quan sát hoạt động thực tiễn, người làm công tác thanh tra có thể đánh giá được những nội dung mà đối tượng thanh tra báo cáo và thực tế có phù hợp, có chính xác hay không. Việc quan sát cần bám sát thực tiễn hoạt động của đối tượng thanh tra. Có thể kết hợp phương pháp phỏng vấn và quan sát thực tiễn để có những sự kiểm chứng về các nội dung thanh tra.

Ví dụ: Khi khảo sát các phần mềm công nghệ thông tin, người làm công tác thanh tra có thể phát hiện được các điểm phù hợp, điểm chưa phù hợp, những điểm chưa phù hợp với yêu cầu quản lý của người sử dụng, không hiệu quả của phần mềm. Đồng thời, kết hợp phỏng vấn những người trực tiếp khai thác, sử dụng phần mềm để củng cố những phát hiện của mình nhằm có kết luận chính xác.

IV. Hình thức tổ chức cuộc thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Hình thức cuộc thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin cũng phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 34 Luật Thanh tra. Có các hình thức thanh tra như sau:

- Thanh tra theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt;
- Thanh tra đột xuất khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Trình tự tổ chức cuộc thanh tra cũng phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm, thời kỳ thanh tra. Khi kết thúc việc thanh tra, đoàn thanh tra cần thông báo cho đối tượng thanh tra việc kết thúc đợt thanh tra. Trong trường hợp cần thêm thời gian để hoàn thành công tác thanh tra, trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo người ra quyết định thanh tra quyết định. Đoàn thanh tra không được chủ động kéo dài thời gian thanh tra.

Chương II

NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Giới thiệu Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt trong lĩnh vực công nghệ thông tin

1. Cấu trúc của Nghị định

Nghị định được xây dựng gồm 05 chương, 36 điều, được kết cấu như sau:

Chương I: Những quy định chung: Gồm 5 điều, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt.

Chương II: Hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin, hình thức và mức xử phạt, chương này gồm 16 Điều, quy định 117 hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức tiền phạt áp dụng cho từng hành vi vi phạm, đồng thời quy định hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả gắn trong từng điều. Chương được tổ chức thành 04 mục lớn, cụ thể như sau:

Mục 1: Vi phạm các quy định ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Gồm 04 điều, từ điều 6 đến điều 9, quy định 30 hành vi vi phạm

+ Gồm các nhóm hành vi:

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin số;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về việc cung cấp, sử dụng thông tin, tài liệu mật trên môi trường mạng.

Mục 2: Hành vi vi phạm các quy định về phát triển công nghệ thông tin

+ Gồm 5 điều, từ điều 10 đến điều 14

+ Quy định 17 hành vi vi phạm.

+ Gồm các nhóm hành vi:

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về nghiên cứu, phát triển công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi Vi phạm các quy định về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về phát triển dịch vụ công nghệ thông tin.

Mục 3: Hành vi vi phạm các quy định về biện pháp đảm bảo ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

+ Gồm 5 điều, từ điều 15 đến điều 19.

+ Quy định 55 hành vi vi phạm.

+ Gồm các nhóm hành vi:

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ quyền, lợi ích và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về tên miền, địa chỉ Internet, số hiệu mạng.

Mục 4: Hành vi vi phạm các quy định về chế độ báo cáo, không chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Gồm 02 điều, từ điều 20 đến điều 21.

+ Quy định 15 hành vi vi phạm.

+ Gồm các nhóm hành vi:

- Nhóm hành vi vi phạm các quy định về chế độ báo cáo;

- Nhóm hành vi cản trở, chống đối nhân viên, cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Chương III: Thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Chương III gồm 11 điều, quy định về thẩm quyền và thủ tục xử phạt hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Chương này quy định thẩm quyền xử phạt hành chính của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông (Điều 22 – gồm thẩm quyền của thanh tra viên, Chánh thanh tra cấp Sở, Chánh thanh tra Bộ), thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành khác (Điều 23), thẩm quyền xử phạt của UBND các cấp (Điều 24), thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường (Điều 25), phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Điều 26). Đồng thời chương III cũng quy định thủ tục áp dụng hình thức xử phạt hành chính. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, việc thi hành quyết định xử phạt, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, việc chuyển hồ sơ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương IV: Khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm

Gồm 2 điều, quy định về khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

Chương này quy định quyền tổ chức, cá nhân hoặc đại diện theo pháp luật có tổ chức, các nhân khi bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm các quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyền tố cáo của công dân khi phát hiện hành

vi vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khi phát hiện hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Chương V: Điều khoản thi hành

Gồm 2 điều, quy định điều khoản thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định quy định hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là công nghệ thông tin).

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin quy định Nghị định là hành vi của tổ chức, cá nhân cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin không trực tiếp quy định tại Nghị định 63/2007/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng

Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin đối với:

- Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định;

- Mọi tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin trong phạm vi lãnh thổ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Tuy nhiên, đối với các trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định 63/2007/NĐ-CP thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó;

- Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin thì bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002. Cụ thể: Mức phạt tiền đối với người chưa thành niên thì mức xử phạt bằng ½ so với mức tiền phạt áp dụng với người từ đủ 18 tuổi trở lên có cùng hành vi vi phạm.

4. Nguyên tắc xử phạt

- Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin phải do người có thẩm quyền xử lý;

- Mọi hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin khi được phát hiện phải đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Một hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính về công nghệ thông tin thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt;

- Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế khẩn cấp, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định 63/2007/NĐ-CP

5.1. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông

Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, c, d, đ, khoản 3 Điều 5 Nghị định 63/2007/NĐ-CP;
- Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 và khoản 2 Điều 48 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

5.2. Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông

Chánh thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, c, d, đ, khoản 3 Điều 5 Nghị định 63/2007/NĐ-CP;
- Thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông từ ngày 01/8/2008

Từ ngày 01/8/2008 thẩm quyền của thanh tra viên chuyên ngành được áp dụng theo quy định tại Pháp lệnh số 04/2008/PL-UBTVQH12 sửa đổi bổ sung Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, cụ thể như sau:

6.1 Thẩm quyền của Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông

Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 500.000 đồng;

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, c, d, đ, Điều 5 Nghị định 63/2007/NĐ-CP;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 12 sửa đổi, quy định tại khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh XLVPHC năm 2008, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

- Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 sửa đổi quy định tại khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và các quyền quy định tại khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

6.2. Thẩm quyền của Chánh thanh tra Sở thông tin và truyền thông

Chánh thanh tra Sở thông tin và truyền thông có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, c, d, đ, khoản 3 Điều 5 Nghị định 63/2007/NĐ – CP;

- Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 sửa đổi quy định tại khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

6.3. Thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông

Chánh thanh tra Bộ thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền tối đa đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của mình;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, c, d, đ, khoản 3 Điều 5 Nghị định 63/2007/NĐ – CP;

- Thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 sửa đổi quy định tại khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

7. Thi hành quyết định xử phạt

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác). Trong thời hạn này được ghi rõ trong quyết định xử phạt. Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự giác chấp hành thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.

Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có người đó cư trú hoặc tổ chức nơi có người đó làm việc xác nhận.

Thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền không quá ba tháng, kể từ khi có quyết định hoãn.

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt lần nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

8. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về công nghệ thông tin hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải quyết định xử phạt từ trường hợp buộc tháo dỡ công trình xây dựng.

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những vi phạm hành chính về công nghệ thông tin theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về công nghệ thông tin.

Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

9. Các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định

9.1. Hành vi vi phạm các quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin số

- Trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác mà theo quy định của pháp luật là được phép trích dẫn nhưng không nêu rõ nguồn gốc của thông tin đó;

- Xác định không chính xác hoặc không đầy đủ danh sách chủ sở hữu thuê chỗ lưu trữ thông tin số theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Lưu trữ thông tin cá nhân của người khác thu thập được trên môi trường mạng vượt quá thời gian quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên

- Trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu thông tin số đó hoặc trích dẫn trái quy định của pháp luật;

- Không chấm dứt việc cho thuê chỗ lưu trữ thông tin số trong trường hợp tự mình phát hiện hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo cho biết thông tin đang được lưu trữ là trái pháp luật;

- Không chấm dứt việc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác công cụ tìm kiếm đến các nguồn thông tin số trong trường hợp tự mình phát hiện hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo cho biết nguồn thông tin số đó là trái pháp luật;
- Thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng mà không được sự đồng ý của người đó trừ quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật Công nghệ thông tin;
- Thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không thông báo cho người đó biết hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin đó;
- Sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng sai mục đích đã thông báo cho người đó;
- Không kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân của người khác lưu trữ trên môi trường mạng trong quá trình thu thập, xử lý, sử dụng thông tin khi có yêu cầu của chủ sở hữu thông tin đó;
- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân chưa được đính chính khi có yêu cầu đính chính của chủ sở hữu thông tin đó;
- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân khi đã có yêu cầu hủy bỏ của chủ sở hữu thông tin đó;
- Không lưu trữ những thông tin số ghi hoạt động trên môi trường mạng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Truy nhập trái phép vào máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu;
- Không thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc truy nhập thông tin hoặc loại bỏ thông tin trái pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi truyền đưa hoặc cho thuê chỗ lưu trữ thông tin số;
- Không thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định danh sách chủ sở hữu thuê chỗ lưu trữ thông tin số;
- Không đảm bảo bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân thuê chỗ lưu trữ thông tin số;
- Không thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá hủy khi thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng;
- Cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba trên môi trường mạng trái quy định của pháp luật hoặc không được sự đồng ý của người đó;
- Ngăn cản quyền tìm kiếm, trao đổi, sử dụng thông tin hợp pháp trên môi trường mạng;
- Không khôi phục thông tin hoặc khả năng truy nhập đến nguồn thông tin hợp pháp khi được chủ sở hữu thông tin đó yêu cầu;
- Không tiến hành theo dõi, giám sát thông tin số của tổ chức, cá nhân khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Không tiến hành điều tra các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình truyền đưa hoặc lưu trữ thông tin số của tổ chức, cá nhân khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm kích động mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc;

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác;

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm quảng cáo, tuyên truyền hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục cấm;

- Giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác;

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số để kích động dân ô, đòi truy, tội ác, tệ nạn xã hội

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số để chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Cung cấp, trao đổi, truyền đưa hoặc lưu trữ, sử dụng thông tin số để kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

9.2. Hành vi vi phạm các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- Đưa không đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin trên trang thông tin điện tử;

- Không xây dựng hoặc không áp dụng nội quy đảm bảo an toàn thông tin.

- Không áp dụng quy trình quản lý an toàn hệ thống máy tính như các giải pháp ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào các mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu;

- Không ban hành hoặc không áp dụng quy chế chia sẻ thông tin số nhằm đảm bảo sử dụng chung thông tin về quản lý, điều hành, phối hợp công tác và những thông tin khác một cách đồng bộ và thông suốt giữa các cơ quan nhà nước.

- Không cung cấp thông tin phục vụ lợi ích công cộng, thủ tục hành chính trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật;

- Không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của thông tin, văn bản được trao đổi, cung cấp, lấy ý kiến trên môi trường mạng;

- Không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ trên phương tiện thông tin đại chúng các nội dung hoạt động trên môi trường mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Công nghệ thông tin;

- Không bảo đảm hệ thống thiết bị cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ công và lấy ý kiến trên môi trường mạng hoạt động cả trong giờ và ngoài giờ làm việc hoặc không thông báo theo quy định khi hệ thống có sự cố;

- Không triển khai hoặc không có các phương án dự phòng về cơ sở hạ tầng thông tin để cung cấp thông tin và dịch vụ cần thiết nhất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Không đưa các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin trên trang thông tin điện tử;
- Không lưu trữ thông tin về giải pháp và sản phẩm dùng chung, nội dung và kết quả thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin đã triển khai vào cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật;
- Không sao chép theo định kỳ các dữ liệu được truyền tải ở dạng số để lưu trữ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Không áp dụng các công nghệ xác thực, cơ chế quản lý quyền truy nhập và cơ chế ghi biên bản hoạt động của hệ thống để quản lý, kiểm tra việc truy nhập mạng.
- Đưa không chính xác các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin trên trang thông tin điện tử;
- Không xây dựng biểu mẫu điện tử phục vụ cho việc trao đổi, cung cấp thông tin và lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.
- Mua sắm chương trình phần mềm nhưng không triển khai ứng dụng;
- Mua sắm chương trình phần mềm có chức năng giống nhau hoặc gần giống nhau gây lãng phí;
- Không thực hiện các định mức, đơn giá, tiêu chuẩn, chế độ trong việc mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin.
- Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;
- Thu phí khi cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin.

9.3. Hành vi vi phạm các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại

- Thông báo không đầy đủ những thông tin có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Công nghệ thông tin khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng;
- Cung cấp không đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện giao dịch, thủ tục giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại trên trang thông tin điện tử bán hàng;
- Công bố không đầy đủ thông tin về các trường hợp người tiêu dùng có quyền hủy bỏ, sửa đổi thỏa thuận trên trang thông tin điện tử bán hàng;
- Cung cấp không đầy đủ các thông tin cho việc giao kết hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Công nghệ thông tin trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.
- Không thông báo công khai những thông tin có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Công nghệ thông tin khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng;

- Không cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện giao dịch, thủ tục giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại trên trang thông tin điện tử bán hàng;

- Không công bố các trường hợp người tiêu dùng có quyền hủy bỏ, sửa đổi thỏa thuận trên trang thông tin điện tử bán hàng;

- Không cung cấp các thông tin cho việc giao kết hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Công nghệ thông tin trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.

- Vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện, quy trình, thủ tục thanh toán trên môi trường mạng;

- Không bảo đảm cho người tiêu dùng khả năng lưu trữ và tái tạo được các thông tin về điều kiện hợp đồng.

- Ngăn cản trái pháp luật việc thiết lập trang thông tin điện tử bán hàng của các tổ chức, cá nhân;

- Giả mạo thông tin, cung cấp thông tin sai sự thật để lừa đảo bán hàng, mua hàng qua mạng;

- Cung cấp sai sự thật những thông tin có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Công nghệ thông tin khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng;

- Cung cấp thông tin sai sự thật về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện giao dịch, thủ tục giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại hoặc phương thức thanh toán an toàn và tiện lợi trên trang thông tin điện tử bán hàng.

- Ngăn cản trái pháp luật việc thiết lập trang thông tin điện tử bán hàng của các tổ chức, cá nhân;

- Giả mạo thông tin, cung cấp thông tin sai sự thật để lừa đảo bán hàng, mua hàng qua mạng;

- Cung cấp sai sự thật những thông tin có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Công nghệ thông tin khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng;

- Cung cấp thông tin sai sự thật về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện giao dịch, thủ tục giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại hoặc phương thức thanh toán an toàn và tiện lợi trên trang thông tin điện tử bán hàng.

9.4. Hành vi vi phạm các quy định về việc cung cấp, sử dụng thông tin, tài liệu mật trên môi trường mạng

- Tiết lộ trên môi trường mạng thông tin thuộc bí mật kinh doanh hoặc bí mật cá nhân trái quy định của pháp luật;

- Tiết lộ trên môi trường mạng bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác ở cấp độ mật đã được pháp luật quy định;

- Tiết lộ trên môi trường mạng bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác ở cấp độ tối mật đã được pháp luật quy định.

9.5. Hành vi vi phạm các quy định về nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin

- Ngăn cản, hạn chế trái pháp luật việc chuyên giao kết quả nghiên cứu - phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ thông tin.

9.6. Hành vi vi phạm các quy định về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Ngăn cản trái pháp luật tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ thông tin;
- Ngăn cản trái pháp luật sự hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin giữa cơ sở đào tạo với các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Cấp văn bằng, chứng chỉ về công nghệ thông tin không đúng quy định của pháp luật;
- Gian lận, giả mạo để được hưởng ưu đãi trong hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

9.7. Hành vi vi phạm các quy định về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

- Không áp dụng phương pháp định giá phần mềm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong việc triển khai các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin có sử dụng nguồn vốn ngân sách;
- Chuyên giao, chuyên nhượng công nghệ, giải pháp phát triển sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm do Nhà nước đầu tư khi chưa được sự đồng ý hoặc trái với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Cung cấp thông tin sai sự thật để được tham gia nghiên cứu - phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm;
- Ngăn cản, hạn chế trái pháp luật tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy hoạch của Chính phủ;
- Ngăn cản, hạn chế trái pháp luật các hoạt động đầu tư mạo hiểm vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, đầu tư phát triển và cung cấp thiết bị số giá rẻ;
- Gian lận, giả mạo để được hưởng ưu đãi, ưu tiên trong đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung;
- Gian lận, giả mạo để được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư và hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghệ cao;
- Chiếm đoạt phần tiền bản quyền không được phép thụ hưởng đối với sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm do Nhà nước đầu tư mà mình tham gia nghiên cứu, phát triển, sản xuất;
- Không nộp phần doanh thu mang lại từ việc kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm do Nhà nước đầu tư theo quy định.
- Đánh cắp công nghệ, giải pháp, bản quyền của sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm do nhà nước đầu tư.

9.8. Hành vi vi phạm các quy định về phát triển dịch vụ công nghệ thông tin

- Gian lận, giả mạo để được hưởng chế độ ưu đãi dành cho một số loại hình dịch vụ công nghệ thông tin.

9.9. Hành vi vi phạm các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

- Ngăn cản trái phép việc đặt điểm truy nhập Internet công cộng tại bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã, nhà ga, bến xe, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu, khu dân cư, bệnh viện, trường học, siêu thị, trung tâm văn hóa, thể thao;

- Làm hư hỏng các điểm truy nhập Internet công cộng.

- Ngăn cản, hạn chế trái pháp luật tổ chức, cá nhân truy nhập và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, của Bộ, ngành, địa phương;

- Cản trở việc sử dụng cơ sở dữ liệu của chủ sở hữu khi thực hiện hành vi tái sản xuất, phân phối, quảng bá, truyền đưa, cung cấp nội dung hợp thành cơ sở dữ liệu đó;

- Phá hoại, phong tỏa, làm biến dạng cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp;

- Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu cơ sở dữ liệu;

- Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ công ích;

- Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin của tổ chức, doanh nghiệp;

- Phá hoại, phong tỏa, làm biến dạng cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương.

- Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cơ quan nhà nước;

- Phá hoại, phong tỏa, làm biến dạng cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Trì hoãn, khước từ hoặc có những hành vi khác nhằm trốn tránh việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc huy động một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng thông tin để ưu tiên phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin khi có một trong các trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Công nghệ thông tin;

- Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9.10. Hành vi vi phạm các quy định về đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn khác phục vụ cho việc đầu tư, xây dựng và khai thác, bảo trì cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cơ quan nhà nước không đúng với quy định của pháp luật;

- Sử dụng vốn đầu tư, cơ chế hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ công ích và thu hẹp khoảng cách số không đúng với quy định của pháp luật;

- Sử dụng kinh phí của nhà nước phục vụ xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành, địa phương không đúng với quy định của pháp luật;

- Gian lận, giả mạo để được hưởng các ưu đãi về đầu tư, tài chính và các ưu đãi khác dành cho tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn để hoạt động vào các lĩnh vực khác.

9.11. Vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Lưu trữ bản sao tác phẩm được bảo hộ phục vụ quá trình truyền đưa thông tin mặc dù việc truyền đưa thông tin đã hoàn tất;

- Sử dụng mã cài đặt chương trình phần mềm bất hợp pháp.

- Kê khai sai sự thật thông tin về sản phẩm phần mềm để dự thi;

- Không công bố toàn bộ hoặc một phần chương trình phần mềm gốc đã được sử dụng để phát triển thành chương trình phần mềm khác, trừ phần mềm gốc do chính tác giả sử dụng để phát triển thành phần mềm khác.

9.12. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin

- Che giấu tên của mình hoặc giả mạo tên của tổ chức, cá nhân khác khi gửi thông tin trên môi trường mạng;

- Gửi thông tin quảng cáo trên môi trường mạng nhưng không bảo đảm cho người tiêu dùng khả năng từ chối nhận thông tin quảng cáo thông qua môi trường mạng;

- Tiếp tục gửi thông tin quảng cáo trên môi trường mạng đến người tiêu dùng mặc dù người tiêu dùng đó đã thông báo không đồng ý nhận thông tin đó;

- Phân phát địa chỉ liên lạc có trên môi trường mạng mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu địa chỉ liên lạc đó.

- Tạo ra và cài đặt chương trình virus máy tính hoặc phần mềm gây hại hoặc đoạn mã gây hại để thực hiện một trong những hành vi quy định tại Điều 71 của Luật Công nghệ thông tin;

- Ngăn chặn bất hợp pháp việc truy nhập đến thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng;

- Bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng;

- Khi cung cấp dịch vụ không thực hiện hoặc không có biện pháp ngăn ngừa trẻ em truy nhập trên môi trường mạng thông tin không có lợi đối với trẻ em theo quy định của pháp luật;

- Sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mang nội dung không có lợi cho trẻ em nhưng không có dấu hiệu cảnh báo;

- Sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin trái đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc;

- Thử xâm nhập bất hợp pháp vào các hệ thống thông tin;

- Truy xuất bất hợp pháp vào quá trình truyền đưa dữ liệu, thông tin.

- Sử dụng người không có văn bằng, chứng chỉ về công nghệ thông tin do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để quản lý hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin.

- Phát tán chương trình virus máy tính hoặc phần mềm gây hại hoặc đoạn mã gây hại để thực hiện một trong những hành vi quy định tại Điều 71 của Luật Công nghệ thông tin;

- Xâm nhập, sửa đổi, xóa bỏ trái quy định của pháp luật đối với các nội dung thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng;

- Tấn công từ chối dịch vụ (DOS, DDOS) hoặc có các hành vi cản trở hoạt động cung cấp dịch vụ của hệ thống thông tin;

- Đánh bạc, tổ chức đánh bạc, môi giới mại dâm, lừa đảo, khủng bố trên môi trường mạng.

- Áp dụng không đúng đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên dành cho người tàn tật tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo về công nghệ thông tin;

- Giả mạo, gian lận trong việc cung cấp thông tin nhằm được hưởng chính sách ưu tiên dành cho người tàn tật tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo về công nghệ thông tin;

- Áp dụng không đúng đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác dành cho hoạt động nghiên cứu - phát triển các công cụ và ứng dụng nhằm nâng cao khả năng của người tàn tật trong việc truy nhập, sử dụng các nguồn thông tin và tri thức thông qua sử dụng máy tính và cơ sở hạ tầng thông tin;

- Cung cấp thông tin sai sự thật để được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác dành cho hoạt động nghiên cứu - phát triển các công cụ và ứng dụng nhằm nâng cao khả năng của người tàn tật trong việc truy nhập, sử dụng các nguồn thông tin và tri thức thông qua sử dụng máy tính và cơ sở hạ tầng thông tin;

- Áp dụng không đúng đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác dành cho hoạt động sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và nội dung thông tin số đáp ứng nhu cầu đặc biệt của người tàn tật;

- Cung cấp thông tin sai sự thật để được hưởng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác dành cho hoạt động sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và nội dung thông tin số đáp ứng nhu cầu đặc biệt của người tàn tật;

9.13. Hành vi vi phạm các quy định về tên miền, địa chỉ Internet, số hiệu mạng

- Cung cấp thông tin không chính xác để được đăng ký sử dụng tên miền quốc gia ".vn";

- Chuyển nhượng, cho thuê, bán lại địa chỉ Internet (IP) và số hiệu mạng (ASN) hoặc mua bán tên miền ".vn" không đúng quy định;

- Thiết lập trang thông tin điện tử không sử dụng tên miền ".vn" mà không thông báo hoặc thông báo thông tin không chính xác hoặc thay đổi thông tin mà không thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông;

- Không sử dụng tên miền quốc gia ".vn" trên trang thông tin điện tử đối với các tổ chức chính trị xã hội và cơ quan báo chí xuất bản của Việt Nam;

- Không sử dụng tên miền quốc gia ".vn" hoặc không đặt máy chủ tại Việt Nam đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Tạo đường dẫn trái phép hoặc dùng các biện pháp để chiếm đoạt, kiểm soát, khống chế tên miền hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

- Sử dụng các biện pháp làm cho hệ thống máy chủ tên miền quốc gia hỏng hóc, ngưng hoạt động hoặc hoạt động không bình thường;

- Phá hoại hoặc thay đổi cơ sở dữ liệu tên miền quốc gia.

9.14. Hành vi vi phạm các quy định về chế độ báo cáo

- Không lưu trữ các nội dung, tài liệu, số liệu báo cáo theo thời hạn quy định của cơ quan có thẩm quyền;

- Chậm báo cáo về chất lượng, sản phẩm, dịch vụ hoặc về hoạt động nghiên cứu - phát triển, sản xuất và xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm mà mình tham gia trong thời hạn 15 ngày so với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chậm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định.

- Không báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chất lượng, sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

- Không báo cáo theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động nghiên cứu - phát triển, sản xuất và xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm mà mình tham gia;

- Không báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định;

- Không thực hiện các loại báo cáo khác về công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

- Báo cáo không đúng về chất lượng, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin với cơ quan có thẩm quyền;

- Báo cáo không đúng về hoạt động nghiên cứu - phát triển, sản xuất và xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm mà mình tham gia;

- Báo cáo không đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định.

9.15. Hành vi cản trở, chống đối nhân viên, cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Không xuất trình các tài liệu, giấy tờ, chứng từ có liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra;

- Không khai báo hoặc khai báo không đúng về nội dung liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra;

- Cản trở việc thanh tra, kiểm tra của nhân viên, cơ quan nhà nước khi thi hành công vụ;

- Tẩu tán tang vật vi phạm đang bị thanh tra, kiểm tra hoặc tạm giữ;

- Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật vi phạm đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

II. Giới thiệu về chương khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chống thư rác

1. Giới thiệu về chương

Đây là chương thứ 4 trong tổng số 05 chương của Nghị định, bao gồm các điều từ Điều 27 đến Điều 43. Chương quy định các nội dung sau :

1.1. Giải quyết tranh chấp

Về nội dung này, Chính phủ quy định như sau : Các tranh chấp phát sinh trong việc cung cấp và sử dụng được giải quyết trên cơ sở hợp đồng giữa các bên và các quy định của pháp luật liên quan.

1.2. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm về thư rác hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt;

- Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những vi phạm về thư rác theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thư rác;

- Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; khởi kiện hành chính thực hiện theo các quy định của pháp luật.

1.3. Bồi thường thiệt hại

- Tổ chức, cá nhân gửi thư rác gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường;

- Mức bồi thường thiệt hại do bên gửi thư rác và bên bị thiệt hại tự thương lượng, thỏa thuận trên cơ sở nguyên tắc do pháp luật quy định. Trường hợp các bên không tự thương lượng, thỏa thuận được thì mức bồi thường được thực hiện theo Quyết định của Tòa án.

1.4. Thanh tra, kiểm tra

- Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Việc thanh tra các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn được tiến hành theo quy định của pháp luật về thanh tra.

1.5. Phần quy định xử phạt vi phạm hành chính

Phần xử phạt các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 90/2008/NĐ-CP được quy định từ Điều 31 đến Điều 43 quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp, sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn và tổ chức, cá nhân cung cấp, sử dụng thư điện tử, dịch vụ viễn thông. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông, UBND các cấp và thanh tra chuyên ngành khác. Đồng thời phần này quy định 68 hành vi vi phạm trong việc cung cấp, sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thư điện tử và cung cấp, sử dụng dịch vụ thư điện tử, dịch vụ viễn thông.

a) Đối tượng bị áp dụng xử phạt

Việc xử phạt vi phạm hành chính quy định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới dịch vụ trao đổi thư điện tử và tin nhắn tại Việt Nam.

b) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thư rác

* Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 43 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;

- Thực hiện các quyền quy định tại mục 2 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

* Chánh Thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông cấp Sở có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 30.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 43 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;

- Thực hiện các quyền quy định tại mục 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

* Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 khoản 6 Điều 43 Nghị định này;

- Thực hiện các quyền quy định tại mục 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

c) Các nhóm hành vi vi phạm

Các hành vi vi phạm được xây dựng trên cơ sở quy định quản lý từ Điều 6 đến Điều 26 của Nghị định. Gồm có 09 nhóm hành vi vi phạm như sau :

- Quản lý, sử dụng thư điện tử, tin nhắn : Gồm 09 hành vi vi phạm;

- Gắn nhãn, đặt nhãn thư điện tử, tin nhắn quảng cáo: Gồm 02 hành vi vi phạm;

- Chức năng từ chối nhận thông tin quảng cáo: Gồm 07 hành vi vi phạm;

- Điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn : Gồm 11 hành vi vi phạm;

- Gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo : Gồm 12 hành vi vi phạm;

- Cung cấp dịch vụ : Gồm 18 hành vi vi phạm;

- Giá cước, phí, lệ phí : Gồm 01 hành vi vi phạm;

- Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và thanh tra, kiểm tra : Gồm 06 hành vi vi phạm;

- An toàn, an ninh thông tin : Gồm 02 hành vi vi phạm.

2. Các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định

2.1. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thư điện tử, tin nhắn

- Không nêu rõ mục đích, phạm vi sử dụng khi tiến hành thu thập địa chỉ điện tử;
- Sử dụng dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, tin nhắn qua mạng Internet không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống thư rác;
- Thu thập địa chỉ điện tử cho mục đích quảng cáo không được sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ đó;
- Sử dụng địa chỉ thư điện tử đã thu thập không đúng mục đích, phạm vi đã được người sở hữu địa chỉ đó cho phép;
- Làm sai lệch thông tin tiêu đề của thư điện tử, tin nhắn;
- Tạo điều kiện, cho phép người khác sử dụng phương tiện điện tử thuộc quyền của mình để gửi, chuyển tiếp thư rác;
- Trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử;
- Sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử để thu thập địa chỉ điện tử khi không được phép của người sở hữu địa chỉ đó;
- Trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng danh sách địa chỉ điện tử nhằm mục đích gửi thư rác.

2.2. Vi phạm các quy định về gắn nhãn, đặt nhãn

- Gắn nhãn thư điện tử quảng cáo không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Gắn nhãn tin nhắn quảng cáo không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định 90/2008/NĐ-CP.

2.3. Vi phạm các quy định về chức năng từ chối nhận thông tin quảng cáo

- Gửi thư điện tử quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo hoặc có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Gửi tin nhắn quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo hoặc có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không có đầy đủ các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử không có đầy đủ các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;

- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận;
- Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận.

2.4. Vi phạm các quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn

- Không có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng chống thư rác.
- Không lưu lại phần tiêu đề thư điện tử trong thời gian tối thiểu 60 ngày;
- Không lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối trong thời gian tối thiểu 60 ngày.
- Không cung cấp công cụ để người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử quảng cáo ngay từ máy chủ nhận thư;
- Không cung cấp miễn phí cơ chế tiếp nhận và xử lý thông báo về thư rác;
- Không có biện pháp để tránh mất mát và ngăn chặn sai thư điện tử của người sử dụng dịch vụ;
- Không phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn trong và ngoài nước để hạn chế thư rác,
- Không gửi thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối từ người có thư điện tử hoặc người nhận tin nhắn quảng cáo trong vòng 24 giờ;
- Gửi thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối thư điện tử quảng cáo không đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Gửi thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối tin nhắn quảng cáo không đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Không có biện pháp giới hạn số lượng, tốc độ và tần suất nhắn tin từ một người sử dụng dịch vụ.

2.5. Vi phạm các quy định về gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo

- Gửi thư điện tử quảng cáo có chủ đề không phù hợp với nội dung;
- Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo trong thư điện tử quảng cáo không tuân thủ khoản 3 Điều 11 Nghị định 90/2008/NĐ-CP.
- Gửi thư điện tử quảng cáo không có hoặc không đầy đủ thông tin về người quảng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gửi thư điện tử quảng cáo không có hoặc không có đầy đủ thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;
- Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gửi tin nhắn quảng cáo không có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo nhưng không tuân thủ quy định tại Điều 15 Nghị định 90/2008/NĐ-CP;

- Không chấm dứt việc gửi loại thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo đã bị từ chối trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu từ chối của người nhận;
- Gửi quá 05 thư điện tử quảng cáo đến một địa chỉ thư điện tử trong 24 giờ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người nhận;
- Gửi quá 05 tin nhắn quảng cáo tới một thuê bao trong vòng 24 giờ/ngày hoặc gửi tin nhắn quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 7 đến 22 giờ hàng ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người nhận;
- Gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, tin nhắn qua mạng Internet có mã số quản lý không đúng mã số quản lý được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;
- Không phải nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo mà vẫn gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo khi chưa được sự đồng ý của người nhận;
- Gửi thư điện tử hoặc tin nhắn quảng cáo từ hệ thống có các thông số kỹ thuật chưa đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo không có nhãn.

2.6. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ

- Sử dụng máy chủ dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo không sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";
- Cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo, dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet mà không có trang thông tin điện tử sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử hoặc tin nhắn khi chưa được cấp mã số quản lý;
- Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet khi chưa được cấp mã số quản lý;
- Cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, nhắn tin qua mạng Internet cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà máy chủ gửi thư điện tử quảng cáo không đặt tại Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet có máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn không đặt tại Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không sử dụng số thuê bao gửi tin nhắn quảng cáo do nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn Việt Nam cấp;

2.7. Vi phạm các quy định về giá cước, phí, lệ phí

- Không trả chi phí liên quan đến việc cung cấp chức năng từ chối cho người nhận.

2.8. Vi phạm các quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và thanh tra, kiểm tra

- Không chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Vi phạm các chế độ báo cáo theo quy định;
- Thay đổi hệ thống gửi tin nhắn quảng cáo hoặc thư điện tử quảng cáo mà không thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc không ngăn chặn các nguồn phát tán thư rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Cung cấp không đầy đủ thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống máy chủ thư điện tử, tin nhắn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu;

2.9. Vi phạm các quy định về an toàn, an ninh thông tin

- Không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;
- Không thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế, ngăn chặn thư rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM, LƯU Ý KHI XỬ PHẠT VPHC TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Các vấn đề cần quan tâm, lưu ý khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin

1. Xử phạt hành vi chuyển nhượng, cho thuê, bán lại địa chỉ Internet (IP) và số hiệu mạng (ASN) hoặc mua bán tên miền ".vn"

Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì địa chỉ Internet, số hiệu mạng, tên miền ".vn" là tài nguyên quốc gia, phải được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả. Các hành vi chuyển nhượng, cho thuê, bán lại địa chỉ Internet (IP) và số hiệu mạng (ASN) hoặc mua bán tên miền ".vn" là trái quy định của pháp luật và sẽ bị xử phạt (mức phạt từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng). Trong thời gian qua có một số vụ chuyển nhượng trái phép tên miền Internet được thực hiện; chủ yếu các tên miền chuyển nhượng là tên miền gắn với tên viết tắt của các doanh nghiệp lớn (VD: Hanoibeer hoặc Vinacomin...) hoặc các nhãn sản phẩm được nhiều người biết.

Tuy nhiên trên thực tế, để xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này là khó khăn do đối tượng thực hiện và người nhận chuyển nhượng hoặc nhận mua hoặc nhận thuê... thực hiện ngầm, không có bằng chứng để xử phạt hành vi vi phạm. Trong thời gian qua, việc xử phạt được thực hiện dựa trên các đơn tố cáo của tổ chức, cá nhân kèm theo các bằng chứng cụ thể về hành vi chuyển nhượng (VD: Hợp đồng chuyển nhượng...). Do đó, khi phát hiện hành vi chuyển nhượng, mua bán tên miền ".vn", địa chỉ, số hiệu mạng Internet thì người có thẩm quyền xử phạt cần có đầy đủ bằng chứng mới ra quyết định xử phạt.

2. Xử lý tên miền liên quan đến thương hiệu, nhãn hàng được bảo hộ

Theo pháp luật quy định, việc cấp phát tên miền, địa chỉ Internet được thực hiện theo nguyên tắc: "Ai đến trước thì được cấp trước". Tuy nhiên, Điều 130 Luật Sở hữu Trí tuệ quy định hành vi cạnh tranh không lành mạnh, bao gồm hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

Căn cứ vào quy định này, nhiều doanh nghiệp do không chủ động đăng ký sử dụng tên miền Internet gắn với thương hiệu nhãn hiệu sản phẩm (VD: Coca Cola, Toyota, Remimartin...), khi bị người khác đăng ký tên miền giống hoặc trùng với thương hiệu, nhãn sản phẩm thì khiếu nại về quyết định cấp phát tên miền và yêu cầu thu hồi tên miền, xử phạt vi phạm hành chính người đang sở hữu tên miền với lý do cạnh tranh không lành mạnh.

Đối với trường hợp này, việc xử phạt là không có căn cứ, do tên miền Internet không phải là đối tượng quyền sở hữu theo quy định tại Điều 3 Luật Sở hữu Trí tuệ. Bên cạnh đó, tên miền mang tính chất duy nhất, việc cấp cho người này thì không thể cấp lại cho người khác, đồng thời một tên miền không thể thể hiện tất cả nội dung trên một Website. Do đó không có cơ sở để khẳng định sự gắn kết giữa nội dung website có tên miền trùng với tên thương hiệu hoặc nhãn hàng nổi tiếng trừ trường hợp website

nói xấu hoặc có các thông tin vi phạm pháp luật. Như vậy, việc xử phạt cũng không có căn cứ.

Do đó, khi xử lý các vụ tranh chấp tên miền liên quan đến thương hiệu hoặc nhãn hàng đã được đăng ký bảo hộ hết sức cẩn thận, cần xem xét đầy đủ các tài liệu, các quy định có liên quan. Trong trường hợp các thông tin trên trang web sử dụng tên miền liên quan đến thương hiệu, nhãn hiệu đã đăng ký không vi phạm pháp luật thì không xử lý. Thực chất đây là tranh chấp sử dụng tên miền Internet và phải được thực hiện theo phán quyết của trọng tài hay Tòa án.

3. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Về phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các văn bản Luật và quy phạm pháp luật đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước như sau:

- **Thứ nhất:** Tại khoản 2 Điều 11 Luật Sở hữu Trí tuệ năm 2005 quy định Bộ Văn hoá Thông tin trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan. Nhưng nay, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí, xuất bản đã chuyển cho Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hoá Thông tin được tổ chức lại thành Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo chức năng mới. Vì vậy, nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí, xuất bản cũng được chuyển sang Bộ Thông tin và Truyền thông như quy định tại khoản 19 Điều 2 Nghị định 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông là không mâu thuẫn gì với Luật Sở hữu Trí tuệ.

- **Thứ hai:** Tại Điều 4; Điều 7 Luật Công nghệ thông tin quy định rõ Bộ Bưu chính, Viễn thông nay là Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghệ thông tin nói chung và công nghiệp công nghệ thông tin nói riêng bao gồm cả công nghiệp phần cứng và công nghiệp phần mềm. Do đó nội dung quản lý nhà nước về bản quyền phần mềm máy tính, bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông như quy định tại khoản 19 Điều 2 Nghị định 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ là phù hợp với Luật Công nghệ thông tin.

Khoản 1 Điều 3 Luật Công nghệ thông tin cũng quy định: “Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Công nghệ thông tin với quy định của Luật khác về cùng một vấn đề liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thì áp dụng quy định của Luật Công nghệ thông tin”.

- Thứ ba:

- Tại điểm a, b khoản 19 Điều 2 Nghị định 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông về quyền tác giả, bản quyền và sở hữu trí tuệ như sau:

“Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản, bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc ngành lĩnh vực quản lý của Bộ; thực hiện các biện pháp bảo vệ hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền sản phẩm, sở hữu trí tuệ theo thẩm quyền”.

- Theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 2 Nghị định số 185/2007/NĐ-CP, ngày 25/12/2007 của Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có chức năng: “Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật”.

Bên cạnh đó, bản quyền phần mềm chỉ là một nội dung trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng và thông tin, truyền thông nói chung. Như vậy trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông trong lĩnh vực quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản, bản quyền phần mềm máy tính, quyền sở hữu trí tuệ các phát minh sáng chế thuộc ngành lĩnh vực quản lý của Bộ. Do đó, công tác thanh tra, xử phạt vi phạm về bản quyền phần mềm được thực hiện theo quy định của pháp luật trong công tác thanh tra về thông tin và truyền thông.

4. Một số chú ý khi áp dụng Nghị định 63/2007/NĐ-CP và Nghị định 56/2006/NĐ-CP

Hiện tại, có một số hành vi quy định tại Nghị định 63/2007/NĐ-CP và Nghị định 56/2006/NĐ-CP tương đối giống nhau như các hành vi về trích dẫn, sử dụng thông tin, tác phẩm không đúng quy định của pháp luật, Ví dụ:

Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định 56/2006/NĐ-CP quy định: “Trích dẫn tác phẩm của người khác đưa vào tác phẩm của mình mà không đề tên tác giả và nguồn gốc tác phẩm”; Điểm a khoản 6 Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định: “Trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác mà theo quy định của pháp luật là được phép trích dẫn nhưng không nêu rõ nguồn gốc của thông tin đó”.

Thực tế, việc trích dẫn hoặc sử dụng thông tin không đúng theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thông tin số hoặc thông tin trên các báo in hoặc các tác phẩm khác) đều bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, do đặc thù về công nghệ truyền đưa thông tin nên khi áp dụng các quy định xử phạt cần có sự linh hoạt. Nếu thông tin trích dẫn là thông tin số, bao gồm việc trích dẫn thông tin trong các báo điện tử thì áp dụng xử phạt theo quy định tại Nghị định 63/2007/NĐ-CP. Nếu thông tin trích dẫn trên các báo in hoặc trên các xuất bản phẩm thì xử lý theo quy định tại Nghị định 56/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, trường hợp hành vi vi phạm về trích dẫn, sử dụng thông tin không được quy định ở Nghị định 63/2007/NĐ-CP nhưng được quy định ở Nghị định 56/2006/NĐ-CP (Ví dụ hành vi “Trích dẫn tác phẩm làm sai lệch thì có thể áp dụng xử phạt đối với hành vi vi phạm).

5. Xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin liên quan đến chống thư rác

Điểm b, c khoản 1 Điều 18 Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt đối với các hành vi có liên quan đến thư rác, bao gồm 02 hành vi:

- Gửi thông tin quảng cáo trên môi trường mạng nhưng không đảm bảo cho người tiêu dùng khả năng từ chối nhận thông tin quảng cáo thông qua môi trường mạng;

- Tiếp tục gửi thông tin quảng cáo trên môi trường mạng đến người tiêu dùng mặc dù người tiêu dùng đã có thông báo không đồng ý nhận thông tin đó;

Đây là các hành vi nhằm hạn chế việc gửi thư điện tử rác trên Internet (là các thư mà người nhận không muốn nhận hoặc không mong muốn nhận). Tuy nhiên, để

nhằm phát huy những mặt tích cực của thư điện tử nhằm phát triển thương mại điện tử, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, Chính phủ đã ban hành Nghị định 90/2008/NĐ-CP về Chống thư rác, trong đó quy định việc cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn qua mạng di động và tin nhắn trên mạng Internet, các điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn. Đồng thời, Nghị định 90/2008/NĐ-CP cũng quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm liên quan đến việc cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn và các quy định khác có liên quan. Về nguyên tắc, các hành vi vi phạm liên quan đến việc gửi, phát tán thư rác, nội dung thông tin số trong các thư quảng cáo đã được quy định tại Nghị định số 63/2007/NĐ-CP thì không quy định trong phần xử phạt ở Nghị định về chống thư rác. Bên cạnh đó còn quy định 66 hành vi vi phạm trong việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn. Do đó, khi xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi phát tán thư rác, tin nhắn rác, đề nghị cân nhắc và nghiên cứu kỹ quy định giữa Nghị định 63/2007/NĐ-CP và Nghị định về chống thư rác sau khi được ban hành.

II. Các vấn đề cần quan tâm, lưu ý khi xử phạt hành vi vi phạm về chống thư rác

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với việc thu thập địa chỉ thư điện tử

Trên thực tế, việc thu thập thư điện tử của người khác trên môi trường mạng là hoạt động bình thường của không chỉ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà còn cả những người sử dụng dịch vụ Internet. Đối với người sử dụng dịch vụ Internet, việc thu thập địa chỉ Internet của những người thân, bạn bè nhưng được sự đồng ý của người chủ sở hữu thì không áp dụng xử phạt vi phạm. Việc xử phạt chủ yếu áp dụng với những nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử (gồm thu thập thủ công hoặc thu thập bằng phần mềm) nhưng không nói rõ mục đích thu thập, sử dụng thư điện tử đã thu thập, sử dụng không đúng mục đích đã thông báo cho chủ sở hữu địa chỉ thư điện tử.

2. Xử phạt về phần mềm thu thập địa chỉ thư điện tử

Điều 6 Nghị định số 90/2008/NĐ-CP quy định các hành vi bị cấm, trong đó có hành vi trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử. Hành vi vi phạm quy định này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 34 Nghị định. Đây là hành vi khá phổ biến trong thời gian qua, tuy nhiên để xác định phần mềm thu thập hộp thư điện tử được phát triển bởi chính doanh nghiệp, doanh nghiệp thuê viết hay do doanh nghiệp mua là rất khó, chủ yếu dựa trên các chứng từ, hoá đơn chứng minh việc thuê doanh nghiệp công nghệ thông tin viết. Do đó, khi thanh tra nội dung này, cần căn cứ các chứng từ, hoá đơn của doanh nghiệp để xác định hành vi vi phạm, đồng thời phải kết hợp việc kiểm tra thuật toán thu thập Email, trình độ của nhân viên trong doanh nghiệp kết luận hành vi vi phạm.

Đối với các doanh nghiệp đã mua phần mềm thu thập điện tử trước thời gian Nghị định có hiệu lực, đề nghị không tiến hành xử phạt vi phạm hành chính. Đối với các doanh nghiệp này, Đoàn thanh tra yêu cầu doanh nghiệp chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc mua, bán phần mềm thu thập địa chỉ Email. Trường hợp tiếp tục vi phạm thì mới xử phạt vi phạm hành chính.

3. Xử phạt về quảng cáo

Trong Nghị định này chỉ quy định xử phạt các hành vi vi phạm liên quan đến điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo. Việc xử phạt các hành vi vi phạm về quảng cáo phải được thực hiện theo quy định của Pháp luật về công tác quảng cáo có liên quan. Các nội dung quảng cáo phải thực hiện theo các quy định của nhà nước có liên quan.

4. Trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng danh sách địa chỉ điện tử nhằm mục đích gửi thư rác.

Việc tổng hợp các danh sách địa chỉ thư điện tử hoặc quyền sử dụng danh sách địa chỉ thư điện tử nhằm mục đích mua, bán sẽ phải bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, thực tế việc mua bán danh sách địa chỉ Email là rất khó phát hiện. Phần lớn việc mua bán danh sách điện tử khó phát hiện chứng cứ cụ thể để xử phạt vi phạm hành chính. Nhiều đối tượng là cá nhân cũng có thể thu thập danh sách địa chỉ thư điện tử với số lượng lớn và bán lại cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo nhưng không có chứng từ, hóa đơn cụ thể. Hạch toán kế toán tại doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau để có thể hợp pháp hóa khoản tiền mua danh sách địa chỉ thư điện tử. Do đó, trong trường hợp thanh tra tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, người làm công tác thanh tra cần chú ý xem xét nguồn gốc của danh sách địa chỉ thư điện tử mà doanh nghiệp đang sở hữu. Từ đó nhằm phát hiện hành vi vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

GIỚI THIỆU MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM THƯỜNG GẶP

I. Một số hành vi vi phạm thường gặp

Trong thời gian qua, các cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý một số vụ vi phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin như:

- Tạo ra và cài đặt chương trình virus máy tính hoặc phần mềm gây hại hoặc đoạn mã gây hại;
- Tấn công từ chối dịch vụ (DOS, DDOS) hoặc có hành vi cản trở hoạt động cung cấp dịch vụ của hệ thống thông tin;
- Đánh bạc, tổ chức đánh bạc, môi giới mại dâm, lừa đảo, khủng bố trên môi trường mạng;
- Truy nhập trái phép vào máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu;
- Chuyên nhượng, cho thuê, bán địa chỉ Internet (IP) và số hiệu mạng (ASN) hoặc mua bán tên miền “.vn”;
- Thiết lập trang thông tin điện tử sử dụng tên miền nước ngoài không thông báo hoặc thông báo thông tin không chính xác hoặc thay đổi thông tin mà không thông báo;
- Giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác;
- Bẻ khoá, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khoá mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng;
- Sử dụng tên miền, địa chỉ Internet để truy nhập truyền bá nội dung đồi trụy;
- Giả mạo thông tin, cung cấp thông tin sai sự thật để lừa đảo bán hàng, mua hàng qua mạng;
- Cung cấp sai sự thật những thông tin có liên quan quy định khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng;
- Tiết lộ trên môi trường mạng thông tin thuộc bí mật kinh doanh hoặc bí mật cá nhân trái quy định của pháp luật;
- Vi phạm bản quyền phần mềm máy tính;
- Cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba trên môi trường mạng trái quy định của pháp luật hoặc không được sự đồng ý của người đó;
- Lưu trữ thông tin số nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự công dân.

Đây là các hành vi vi phạm phổ biến, được thực hiện bởi cả tổ chức, cá nhân, đối tượng thực hiện hành vi vi phạm chủ yếu là những người hiểu biết trong lĩnh vực công nghệ thông tin

II. Các vụ bị phát hiện, xử lý trong thời gian qua

1. Viết và phát tán virus

Vụ do Bùi Hải Long – Văn Cao, Đặng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng thực hiện. Đối tượng viết virus Xrobot (Gái xinh), đưa lên mạng Internet qua Yahoo

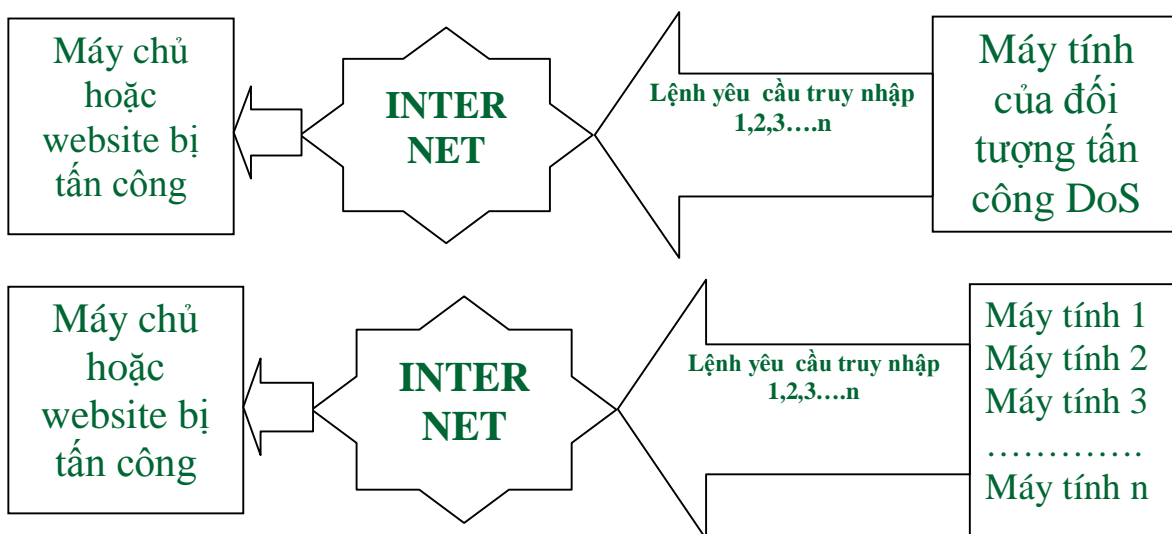
Messenger. Khi máy tính bị lây nhiễm sẽ tự động gửi các dòng lệnh như: Gái xinh đây... kèm theo một đường dẫn đến website có chứa virus đến danh sách các Nickname khác có trong tài khoản của người sử dụng. Nếu người đang chat kích vào đường dẫn, lập tức, Virus Xrobot sẽ lây lan vào máy tính và tiếp tục gửi các dòng lệnh đến tất cả các tài khoản có trên máy tính mới bị lây nhiễm. Do đó tốc độ lan truyền của virus Xrobot rất nhanh, chỉ sau 24h, 10 ngàn máy tính đã bị lây nhiễm. Đối tượng đã bị xử phạt 10triệu đồng về hành vi tạo ra và cố ý lan truyền, phát tán chương trình Virus lên Internet (do đối tượng chưa đủ 18 tuổi và đã tìm cách hạn chế hậu quả).

2. Tấn công từ chối dịch vụ

Đây là hình thức gửi nhiều lệnh truy nhập (yêu cầu truy nhập ảo) cùng một lúc đến hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp Internet hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Hosting khiến cho hệ thống thiết bị, máy chủ truy cập bị quá tải. Việc này khiến người có yêu cầu truy nhập thật không thể tiếp cận được dịch vụ.

Có 02 hình thức tấn công từ chối dịch vụ:

- Đối tượng trực tiếp sử dụng máy tính của mình tấn công (Dos)
- Đối tượng chiếm quyền điều khiển một số máy tính của người sử dụng Internet sau đó sử dụng các máy tính này để tấn công (DdoS)



Điền hình là vụ do Nguyễn Ngọc Khánh sinh ngày 26/9/1985 tại Đồng Nguyên - Từ Sơn - Bắc Ninh, sinh viên lớp K39A3 CIDG Trường ĐH sư phạm Thái Nguyên tấn công từ chối dịch vụ website www.tu-son.com làm 300 website khác cũng bị ngừng hoạt động.

3. Truy nhập trái phép vào cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân

Đây là hình thức đối tượng truy nhập vào cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân để lấy cắp thông tin riêng, ăn cắp tài khoản, kích hoạt SIM di động... nhằm thu lợi bất chính. Điền hình là vụ do Nguyễn Văn Nhuận – Nhân viên Công ty TNHH Thiên An – 1136 La Thành – HN thực hiện. Tháng 4/2006, Nhuận đã truy nhập vào website chăm sóc khách hàng của trung tâm III (Đà Nẵng) tải phần mềm đầu nối hệ thống thuê bao di động về máy tính ở nhà riêng. Ngày 24/5/2006, Nhuận truy nhập vào cơ sở dữ liệu

của Công ty Thông tin di động VMS và kích hoạt 05 số điện thoại 0905522222, 0905588888, 0905599999, 0905688888, 0906559999. Bằng cách này tháng 10/2005, Nhuận cũng đã truy nhập và đấu nối bất hợp pháp số điện thoại 0902000000 để sử dụng.

Vụ Bùi Minh Trí truy nhập vào trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo thay ảnh của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân bằng ảnh của mình.

4. Phát tán thư rác

4.1. Đặc điểm của thư rác:

- Là những thư quảng cáo: Nội dung quảng cáo được mô tả trên Email hoặc 01 file kèm theo. Ngoài ra, trên email còn gắn kèm theo các đường link để người sử dụng Internet có thể truy nhập trực tiếp lên trang web giới thiệu, cung cấp sản phẩm được quảng cáo;

- Phân địa chỉ người nhận: Thông thường có rất nhiều địa chỉ người nhận được gửi cùng một lúc;

- Thường có phần hướng dẫn chuyển tiếp thông tin sang cho một người nhận thứ 3;

- Có phần thông tin liên hệ về nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ (họ tên người liên hệ, số điện thoại, email liên hệ);

- Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng Email;

- Có hoặc không có phần thông tin từ chối nhận quảng cáo.

4.2. Biện pháp để tìm ra đối tượng phát tán thư rác

- Trên Email quảng cáo đã có sẵn phần thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

- Trường hợp chủ thể gửi thư rác cũng là nhà cung cấp dịch vụ, sản phẩm quảng cáo thì phần thông tin liên hệ về sản phẩm quảng cáo cũng là thông tin về người phát tán thư rác;

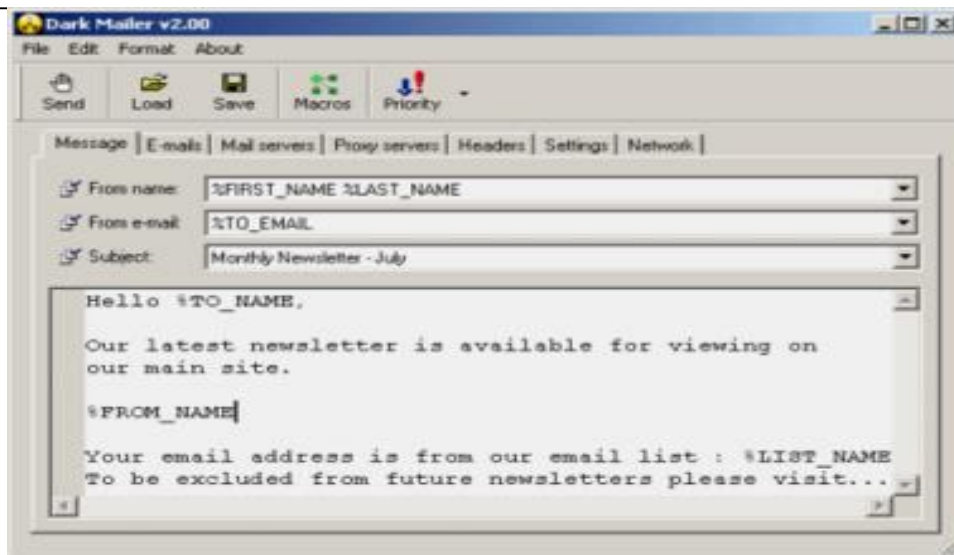
- Sau khi xác định được thông tin của chủ thể phát tán thư rác, cần khai thác thêm các thông tin sau: Hình thức, phương tiện phát tán thư rác, hình thức phát tán thư rác, nguồn gốc danh sách địa chỉ thư điện tử nhận thư rác, số lượng thư điện tử đã phát tán; trước khi phát tán thư rác có hỏi ý kiến của chủ sở hữu Email không?

- Từ đó, căn cứ quy định ở chương xử phạt vi phạm hành chính của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP để xử phạt các hành vi vi phạm.

4.3. Giới thiệu một số phần mềm phát tán thư rác

Phần mềm: Dark Mailer

Dark Mailer là phần mềm được sử dụng để gửi thư điện tử opt-in và các newsletter nhưng bị những người gửi thư rác (spammer) lợi dụng để phát tán thư rác. Đây là một phần mềm rất mạnh, cho phép gửi tới 50000 thư điện tử trong 1 giờ. Dark Mailer cho phép gửi thư điện tử thuần văn bản hoặc có nội dung HTML, rất thuận tiện cho các spammer tùy biến trình bày nội dung trong thư, tự động thực hiện tiếp quá trình gửi khi kết nối bị đứt.

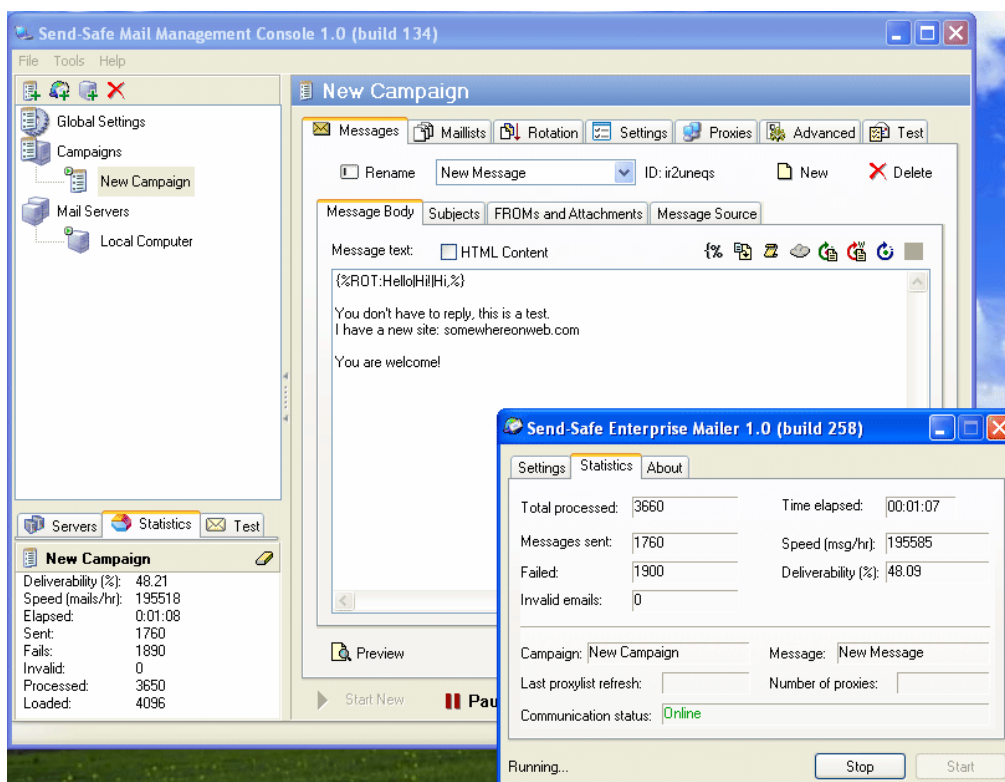


Hình 1: Phần mềm Dark-Mailer

- Phần mềm **Send –Safe Mailer (SSM)**

SSM có thể thực thi nhiều lần gửi thư đồng thời trên nhiều máy chủ thư điện tử. Tất cả các thông điệp và cấu hình có thể thay đổi trong quá trình thư điện tử được gửi đi mà không cần dừng việc gửi thư lại.

SMS hỗ trợ IP động, sử dụng thuật toán lựa chọn proxy cải tiến, có khả năng lưu tạm thời danh sách proxy và hỗ trợ gửi thư điện tử qua proxy dây chuyền.

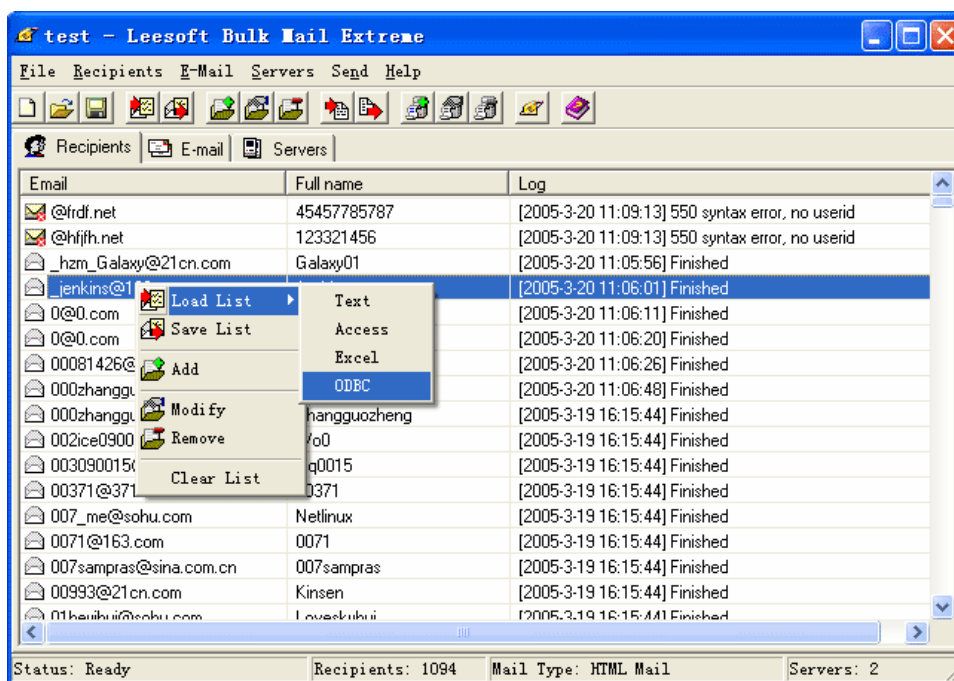


Hình 2: Phần mềm Send Safe

- Phần mềm **Bulk Mail Extreme (BME)**

BME hỗ trợ nhiều luồng gửi thư với tốc độ cao, cho phép kết nối tới nhiều máy chủ thư điện tử tại cùng một thời điểm. Hỗ trợ cả giao thức AU-SMTP và SMTP, hỗ

trợ thư điện tử tùy biến. Cho phép tải danh sách thư điện tử ở dạng text, Access, Excel và các dạng khác. Cho phép lưu lại và tải các lần gửi thư điện tử.



Hình 3: Phần mềm Bulk Mail Extreme

5. Cá độ, đánh bạc trực tuyến trên mạng

Đây là hành vi sử dụng Internet để trao đổi thông tin, cá độ các trận bóng đá hoặc đánh bạc trên mạng.

Diễn hình như vụ do Nguyễn Anh Tuấn, Lê Thị Thảo và Nguyễn Đức Vượng thường trú ở Hà Nội thực hiện. Số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc và cá độ lên đến 30 tỉ đồng/tháng.

6. Mua bán chuyển nhượng tên miền, địa chỉ Internet Việt Nam

- Vụ do Nguyễn Hoàng Hải ở Trần Phú – Tx Hà Giang thực hiện. Đối tượng đã đăng ký tên miền nhanhhoa.com.vn tại Trung tâm Internet Việt Nam. Sau đó đề nghị Công ty TNHH phần mềm Nhân Hoà ở số 48 Ngõ 26 Nguyễn Hồng – Hà Nội mua lại nhưng không được chấp nhận. Bán không được, Hải đã đề nghị Công ty Nhân Hoà bán cho Hải 500 tên miền dùng chung (tên miền.com,.net,.info,.org...), đổi lại Hải sẽ chuyển nhượng lại tên miền nhanhhoa.com.vn để công ty Nhân Hoà sử dụng. Hành vi của Hải đã bị xử phạt 3.000.000 đồng và bị thu hồi 02 tên miền nhanhhoa.com.vn và tên miền wto.com.vn.

- Vụ do Đỗ Tuyển và Trương Phi Cường thực hiện, hai đối tượng đã đăng ký sử dụng hai tên miền vietnamwork.com.vn và tên miền vietnamworks.com.vn là hai tên miền đã được Văn phòng đại diện Management Consulting Group đăng ký sử dụng từ trước nhưng do chưa kịp đóng tiền duy trì tên miền nên bị thu hồi. Hai đối tượng thoả thuận với Văn phòng với giá 10.000 USD để được sử dụng lại 02 tên miền đó. Thanh tra Bộ đề nghị Trung tâm Internet Việt Nam thu hồi và cấp lại cho Văn phòng đại diện Management Consulting Group.

7. Phát tán thông tin của tổ chức, cá nhân lên mạng trái quy định của pháp luật

Điển hình là vụ Tổng Công ty Bia, nước giải khát Hà Nội bị đối tượng xấu tự lập website www.habecovn.com (Habeco là tên giao dịch của Tổng công ty Bia, Rượu, Nước giải khát Hà Nội), sau đó đối tượng đưa thông tin cá nhân của cán bộ thuộc Tổng công ty Bia, Rượu, Nước giải khát Hà Nội lên Internet trái phép.

8. Vi phạm bản quyền phần mềm máy tính

Công ty Daewoo-Hanel (Sài Đồng, Hà Nội) sử dụng nhiều phần mềm vi phạm bản quyền đang được sử dụng, với trị giá ước tính gần 1 tỷ đồng;

Công ty TNHH Nhà máy tàu biển Huyndai - Vinashin sử dụng 191 máy tính và phát hiện có sao chép, cài đặt, sử dụng một số chương trình phần mềm không có bản quyền;

Công ty Cổ phần thế giới số (Digi World, trụ sở tại 213 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP HCM) sử dụng 60 máy tính có cài đặt các phần mềm không có bản quyền.

Công ty Apave Vietnam & Southeast Asia - một công ty 100% vốn nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, giám sát thi công, có trụ sở tại 147 đường Hoàng Quốc Việt, (Hà Nội), sử dụng 31 máy tính có cài đặt: Bộ gõ Vietkey, Microsoft Window XP, Microsoft Office và các phần mềm chuyên dụng như AutoCAD, ACD See, Lạc Việt từ điển không có bản quyền;

Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long (khu công nghiệp Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội) sử dụng 37 máy tính sử dụng các phần mềm không có bản quyền;

Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ Nguyễn Hoàng (207/3 Nguyễn Văn Thủ, TP HCM) với 27 máy tính;

Công ty Nguyễn Kim (63-65 Trần Hưng Đạo, TP HCM) với 93 máy tính.

9. Sử dụng tên miền, địa chỉ Internet để truyền bá nội dung đồi trụy

Vụ Vũ Thái Hà đăng tải nội dung đồi trụy lên website có tên miền Việt Nam: www.000.com.vn. Mục đích đăng ký sử dụng tên miền này là nhằm triển khai thương mại điện tử. Tuy nhiên, Hà đã đưa nhiều hình ảnh đồi trụy lên website này, khi bị xử lý, Hà khai là do Hacker tấn công, thay đổi nội dung website. Thanh tra Bộ VHTT đã xử phạt Vũ Thái Hà 10 triệu đồng về hành vi đưa thông tin đồi trụy lên Internet và Thanh tra Bộ BCVT đã xử phạt 3 triệu đồng về hành vi sử dụng tên miền để truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy vi phạm vào Điều 41 khoản 3 điểm c của Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

10. Làm thẻ giả ATM

Đây là hành vi làm thẻ ATM giả để ăn cắp tiền từ các máy rút tiền tự động. Để thực hiện được hành vi này, đối tượng Nguyễn Lê Việt cùng vợ là Nguyễn Lê Thuý Mai (23 tuổi), đều trú tại Lò Đúc Hà Nội thực hiện. Việt cùng Mai đã lưu thông tin của khách hàng ngân hàng ECOMBANK và ngân hàng ACB, sau đó làm giả thẻ lấy cắp tiền của khách hàng.

11. Ăn cắp tài khoản, thẻ tín dụng điện tử

Đây là hành vi ăn cắp tài khoản, thẻ tín dụng điện tử (ACC – Account hoặc CC-Credit Card) của các cá nhân ở nước ngoài để mua hàng ở nước ngoài chuyển về Việt Nam hoặc sau đó làm thẻ ATM giả để rút tiền.

Diễn hình là vụ do Nguyễn Đình Cường, Sn 1986, thường trú tại TP Hồ Chí Minh. Cường đã ăn cắp ACC và CC ở nước ngoài, tham gia đường dây làm thẻ ATM ăn cắp tiền nước ngoài, sau đó chính Cường đã mua máy làm thẻ ATM ở nước ngoài và rút tiền của người nước ngoài. Lần rút tiền nhiều nhất mà Cường thực hiện là 01 tỉ đồng.

12. Lưu trữ thông tin số nhằm mục đích xúc phạm nhân phẩm, danh dự của cá nhân

Đây là hành vi vi phạm do Công ty cổ phần truyền thông Tinh Vân thực hiện. Công ty đã thiết lập trang web cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin trên mạng sử dụng tên miền xalo.com.vn và tên miền xalo.vn. Để cung cấp dịch vụ, công ty đã thiết lập hệ thống máy chủ nhằm lưu trữ thông tin số của các website, blog, hình ảnh... mà hệ thống tìm kiếm tìm thấy trên Internet. Việc tìm kiếm thông tin trên Internet thực tế là được tìm kiếm trong chính máy chủ của Công ty Tinh Vân. Trong đó có thông tin nói xấu, bôi nhọ Chủ tịch Hồ Chí Minh trên một số blog. Hành vi này của Công ty Tinh Vân đã bị xử phạt với mức phạt là 10 triệu đồng.

13. Hành vi vi phạm bản quyền tác giả thông tin số

Đây là hành vi vi phạm do Công ty Cổ phần Trò chơi trực tuyến Việt Nam (Vinagame) và Công ty cổ phần Công Nghệ Thông Tin NAISCORP thực hiện. Hai Công ty này đã cho phép tìm kiếm và download trực tiếp các bài hát nước ngoài từ trên máy chủ cung cấp dịch vụ của công ty thông qua dịch vụ tìm kiếm tại trang web sử dụng tên miền zing.com.vn (Vinagame), tên miền socbay.com (Naiscorp). Tuy nhiên, hai công ty đã có nhận thức rất tốt đối với hành vi của mình. Trước khi bị phát hiện, hai công ty đã chủ động làm việc với Hội nhạc sỹ Việt Nam để đăng ký bản quyền đối với các tác phẩm âm nhạc Việt Nam và thông qua đối tác nước ngoài để đăng ký bản quyền các tác phẩm âm nhạc nước ngoài nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của phía nước ngoài. Hai Công ty đã bị xử phạt cảnh cáo và yêu cầu gỡ bỏ các bài hát nước ngoài ra khỏi danh mục tìm kiếm, cung cấp thông tin cho khách hàng.

BÀI KIỂM TRA
NỘI DUNG THANH TRA VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Họ và Tên:

Đơn vị:

Điểm bài thi:

ĐỀ BÀI

Cách làm: Chọn đáp án đúng khoanh tròn đáp án

Câu hỏi 1: Một cơ quan quản lý nhà nước thiết lập trang thông tin điện tử sử dụng tên miền nước ngoài có vi phạm pháp luật không?

Đáp án:

1. Có vi phạm, không được sử dụng
2. Không vi phạm, được sử dụng
3. Vi phạm nhưng được sử dụng
4. Không vi phạm, không được sử dụng

Câu hỏi 2: Người chưa đủ tuổi phát tán virus máy tính bị xử lý hành chính như thế nào?

Đáp án:

1. Phạt cảnh cáo
2. Không bị xử lý hành chính
3. Bị phạt tiền bằng $\frac{1}{2}$ mức phạt so với người đủ 18 tuổi
4. Phạt tiền như với người đủ 18 tuổi trở lên

Câu hỏi 3: Tổ chức, cá nhân khi gửi thông tin trên môi trường mạng có phải công khai thông tin cá nhân khi gửi thông tin trên môi trường mạng không?

Đáp án:

1. Không phải công khai thông tin
2. Phải công khai đầy đủ thông tin cá nhân
3. Chỉ phải công khai địa chỉ
4. Chỉ phải công khai tên thật

Câu hỏi 4: Trang thông tin điện tử đối với các tổ chức chính trị xã hội và cơ quan báo chí xuất bản của Việt Nam có bắt buộc phải sử dụng tên miền.VN hay không?

Đáp án:

1. Bắt buộc sử dụng

2. Không bắt buộc sử dụng
3. Có thể sử dụng tên miền nước ngoài

Câu hỏi 5: Mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực công nghệ thông tin là bao nhiêu?

Đáp án:

1. 100 triệu đồng
2. 70 triệu đồng
3. 500 triệu đồng
4. 50 triệu đồng

Câu hỏi 6: Thanh tra viên có được tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm không?

Đáp án

1. Không được tạm giữ
2. Được tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 02 triệu đồng
3. Được tạm giữ mọi tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm

Câu hỏi 7: Trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng mà không nêu rõ nguồn trích dẫn thông tin có bị xử phạt không?

Đáp án

1. Không bị xử phạt
2. Bị xử phạt từ 500 ngàn đồng đến 02 triệu đồng
3. Bị xử phạt từ 02 triệu đến 5 triệu đồng
4. Bị xử phạt cảnh cáo

Câu hỏi 8: Hành vi in sao các chương trình phần mềm máy tính và bán trên thị trường có phải là hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin không? Có bị xử phạt vi phạm hành chính không?

Đáp án:

1. Không vi phạm, không bị xử phạt hành chính
2. Vi phạm nhưng không bị xử phạt vi phạm hành chính
3. Vi phạm, bị xử phạt cảnh cáo
4. Vi phạm, bị phạt tiền

Câu hỏi 9: Truy nhập trái phép vào máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu thì bị phạt bao nhiêu tiền?

Đáp án:

1. Không bị phạt
2. Bị phạt cảnh cáo
3. Phạt tiền từ 2 triệu đến 5 triệu đồng
4. Bị phạt từ 5 đến 10 triệu đồng

Câu hỏi 10: Sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng sai mục đích đã thông báo cho người đó thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp án:

1. Không bị phạt
2. Bị phạt cảnh cáo
3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2 triệu
4. Phạt từ 5 đến 10 triệu đồng

Câu hỏi 11: “Không đảm bảo bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân thuê chỗ lưu trữ thông tin số”, đây là hành vi áp dụng xử phạt cho đối tượng nào?

Đáp án:

1. Người sử dụng dịch vụ thuê chỗ lưu trữ thông tin số
2. Nhà cung cấp dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ thông tin số
3. Nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet
4. Người sử dụng thông tin số

Câu hỏi 12: Ngăn cản việc tìm kiếm, trao đổi, sử dụng thông tin trên môi trường mạng có phải là hành vi vi phạm không?

Đáp án:

1. Là hành vi vi phạm hành chính
2. Không phải là hành vi vi phạm hành chính
3. Là hành vi vi phạm nếu thông tin trên môi trường mạng là thông tin không vi phạm pháp luật
4. Không phải là hành vi vi phạm hành chính kể cả trường hợp thông tin trên môi trường mạng là thông tin không vi phạm pháp luật

Câu hỏi 13: Thiết lập trang thông tin điện tử không sử dụng tên miền “.VN” mà không thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp án:

1. Không bị xử phạt
2. Bị xử phạt cảnh cáo
3. Bị phạt từ 02 triệu đến 05 triệu
4. Bị xử phạt từ 500 ngàn đồng đến 02 triệu đồng

Câu hỏi 14: Phá hoại hoặc thay đổi cơ sở dữ liệu tên miền quốc gia thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp án:

1. Bị phạt tiền từ 50 triệu đến 70 triệu đồng
2. Bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm
3. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự
4. Bị phạt tiền từ 70 triệu đến 100 triệu đồng, bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

Câu hỏi 15: Người nước ngoài phá hoại hoặc thay đổi cơ sở dữ liệu tên miền quốc gia thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp án:

1. Không bị xử phạt
2. Bị phạt tiền từ 70 triệu đồng đến 100 triệu đồng, bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm
3. Bị phạt tiền từ 70 triệu đồng đến 100 triệu đồng, bị buộc trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam
4. Bị phạt tiền từ 70 triệu đồng đến 100 triệu đồng, bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, bị buộc trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam

Câu hỏi 16: Trong trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người nào thực hiện?

Đáp án:

1. Tất cả những người có thẩm quyền cùng tham gia xử phạt
2. Do người thụ lý cuối cùng xử phạt
3. Do người có thẩm quyền phạt tiền cao nhất xử phạt
4. Do người thụ lý đầu tiên xử phạt

Câu hỏi 17: Các trường hợp sau đây, trường hợp nào áp dụng thủ tục đơn giản đúng quy định?

Đáp án:

1. Phạt tiền từ 100 ngàn đồng đến 200 ngàn đồng
2. Phạt tiền từ 10 ngàn đồng đến 200 ngàn đồng kể từ ngày 01/8/2008
3. Phạt tiền từ 50 ngàn đồng đến 100 ngàn đồng
4. Phạt tiền từ 100 ngàn đồng đến 200 ngàn đồng kể từ ngày 31/7/2008 trở về trước

Câu hỏi 18: Phá hoại, phong toả, làm biến dạng cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp thì bị phạt tiền đến bao nhiêu?

Đáp án

1. Phạt tiền từ 10 triệu đến 20 triệu đồng
2. Phạt tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng
3. Bị phạt cảnh cáo
4. Bị phạt tiền từ 2 triệu đến 5 triệu đồng

Câu hỏi 19: Mức phạt tiền tối đa áp dụng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ về công nghệ thông tin theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 là bao nhiêu?

Đáp án

1. 100 triệu đồng
2. 200 triệu đồng

3. 300 triệu đồng

4. 500 triệu đồng

Câu hỏi 20: Thẩm quyền xử phạt tiền của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông tối đa là bao nhiêu theo quy định tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008?

Đáp án

1. 70 triệu đồng

2. 100 triệu đồng

3. 300 triệu đồng

4. 500 triệu đồng

Câu hỏi 21: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực Internet nhưng nếu không được quy định tại nghị định xử phạt trong lĩnh vực Internet nhưng quy định tại Nghị định số 63/2007/NĐ-CP thì có áp dụng xử phạt được hay không?

Đáp án:

1. Được áp dụng

2. Không được áp dụng

3. Được áp dụng nhưng không được áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung

4. Chỉ được áp dụng bằng ½ mức tiền phạt

Câu hỏi 22. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thiết bị ngành nước có được gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo về sản phẩm của mình không?

Đáp án:

1. Được gửi

2. Không được gửi

3. Được gửi nhưng đã được sự đồng ý của người nhận trước khi gửi

4. Được gửi nhưng trước khi gửi đã hỏi ý kiến người nhận

Câu hỏi 23. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư rác có được trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng danh sách địa chỉ điện tử nhằm mục đích gửi thư rác không?

Đáp án:

1. Không được trao đổi, mua bán

2. Được trao đổi, mua bán

3. Được trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ, quyền sử dụng danh sách địa chỉ điện tử nếu do mình tự thu thập

4. Được trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ, quyền sử dụng danh sách địa chỉ điện tử nếu do mình mua lại của người khác

Câu hỏi 24. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có được trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử không?

Đáp án:

1. Được trao đổi, mua bán
2. Không được trao đổi, mua bán nếu phần mềm do doanh nghiệp tự viết
3. Không được trao đổi, mua bán
4. Được trao đổi, mua bán nếu phần mềm do doanh nghiệp mua

ĐÁP ÁN

- Câu hỏi 1: Đáp án 1
Câu hỏi 2: Đáp án 3
Câu hỏi 3: Đáp án 2
Câu hỏi 4: Đáp án 1
Câu hỏi 5: Đáp án 1
Câu hỏi 6: Đáp án 2
Câu hỏi 7: Đáp án 3
Câu hỏi 8: Đáp án 4
Câu hỏi 9: Đáp án 3
Câu hỏi 10: Đáp án 3
Câu hỏi 11: Đáp án 2
Câu hỏi 12: Đáp án 3
Câu hỏi 13: Đáp án 3
Câu hỏi 14: Đáp án 4
Câu hỏi 15: Đáp án 4
Câu hỏi 16: Đáp án 4
Câu hỏi 17: Đáp án 2
Câu hỏi 18: Đáp án 2
Câu hỏi 19: Đáp án 4
Câu hỏi 20: Đáp án 4
Câu hỏi 21: Đáp án 1
Câu hỏi 22: Đáp án 3
Câu hỏi 23: Đáp án 1
Câu hỏi 24: Đáp án 3